

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4747 /UBND-TCKH

Quận 7, ngày 31 tháng 7 năm 2024

V/v duyệt dự toán kinh phí mua sắm
tài sản năm 2024 của các Trường mầm
non công lập trực thuộc quận.

Kính gửi:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 7;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7;
- Trường Mầm non Tân Phong;
- Trường Mầm non Hoa Hồng;
- Trường Mầm non Tân Thuận Tây;
- Trường Mầm non Tân Phong 2;
- Trường Mầm non Bình Thuận;
- Trường Mầm non Tân Hưng;
- Trường Mầm non Tân Kiểng;
- Trường Mầm non Khu chế xuất Tân Thuận;
- Trường Mầm non Phú Mỹ.

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục Đồ dùng – Đồ chơi – Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục Thiết bị và Đồ chơi ngoài trời cho Giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;



Căn cứ Quyết định số 3141/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2010 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 22/8/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục và Đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 22/8/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục và Đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về giao chỉ tiêu dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc điều chỉnh Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 7;

Căn cứ Công văn số 3386/UBND-TCKH ngày 07/6/2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc triển khai Thông tư số 05/2024/TT-BKHĐT và Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề xuất của phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7 tại Công văn số 825/GDĐT ngày 24/5/2024 về việc dự kiến trang bị, mua sắm thường xuyên tài sản năm 2024 tại trường công lập và các Công văn đề xuất mua sắm tài sản của các Trường mầm non công lập trực thuộc Quận 7;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 2158/TTr-TCKH ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc duyệt dự toán kinh phí mua sắm tài sản năm 2024 của các Trường mầm non công lập,

Nay, Ủy ban nhân dân Quận 7 giải quyết như sau:

1. Chấp thuận phê duyệt dự toán kinh phí mua sắm tài sản năm 2024 của các

Trường mầm non công lập với số tiền là **457.697.500 đồng** (Bốn trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng), chi tiết theo Phụ lục 01, 02 đính kèm.

* Lưu ý: Dự toán được duyệt nêu trên chỉ làm cơ sở xác định giá trị gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện các bước thanh quyết toán theo quy định, không dùng làm cơ sở để thanh quyết toán kinh phí trực tiếp.

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

+ Từ kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ phân bổ trong dự toán năm 2024 của đơn vị với số tiền **349.507.500 đồng** (Ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng).

+ Từ nguồn thu của trường tiên tiến hiện đại năm 2024 với số tiền **108.190.000 đồng** (Một trăm lẻ tám triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Hiệu trưởng các đơn vị trường mầm non công lập trực thuộc quận:

- Chịu trách nhiệm trong việc rà soát, đánh giá thực trạng đã trang bị; phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo xác định nhu cầu danh mục, số lượng, quy cách, chủng loại tài sản mua sắm đảm bảo thực hành tiết kiệm trong mua sắm tài sản theo thứ tự ưu tiên cấp bách phục vụ năm học 2024-2025.

- Có trách nhiệm sử dụng dự toán kinh phí được giao đúng mục đích, đúng nội dung được duyệt, tổ chức mua sắm theo đúng trình tự, thủ tục đấu thầu quy định tại Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ theo đúng chủ trương được duyệt tại văn bản này.

- Thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quy định tại Công văn số 3386/UBND-TCKH ngày 07/6/2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc triển khai Thông tư số 05/2024/TT-BKHĐT và Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có sự thay đổi do mua sắm, đơn vị phải hạch toán tăng tài sản, công cụ dụng cụ vào sổ sách kế toán; cập nhật phần mềm quản lý tài sản của Bộ Tài chính và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện công khai mua sắm theo quy định.

- Đối với những tài sản cố định và công cụ dụng cụ không còn sử dụng được, tổ chức thanh lý theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo: chịu trách nhiệm trong việc phối hợp với các trường mầm non trực thuộc quận rà soát, xác định nhu cầu danh mục, số lượng tài sản mua sắm của từng đơn vị đảm bảo thực hành tiết kiệm trong mua sắm tài sản theo thứ tự ưu tiên cấp bách phục vụ năm học 2024-2025.

3.3. Phòng Tài chính – Kế hoạch:

- Kiểm tra việc mua sắm của các trường, đảm bảo hồ sơ đấu thầu, thanh quyết toán được thực hiện theo đúng quy định.

- Kiểm tra thực hiện công khai; cập nhật kê khai mua sắm vào sổ sách kế toán và phần mềm quản lý tài sản của Bộ Tài chính và thực hiện chế độ báo cáo của các trường học nêu trên theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Căn cứ vào văn bản báo cáo đề xuất việc quản lý sử dụng hoặc thanh lý tài sản công cụ dụng cụ của các Trường mầm non công lập, tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Q7 (CT, PCT);
- VP UBND Q7 (C-PCVP, CVTH);
- KBNN Q7; P.GDĐT Q7;
- Lưu: VT, TCKH.



CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Tuấn Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH MỤC MUA SẮM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN
NĂM 2024 CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP TRỰC THUỘC QUẬN
(Không bao gồm các tài sản mua sắm tập trung)

(Đính kèm Công văn số 4747 /UBND-TCKH ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7)

Đvt: đồng

Stt	Trường/ Tên tài sản cố định; công cụ, dụng cụ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		Ghi chú
							Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)	(8)	(9)	(9)
I	MẦM NON TÂN PHONG					30.330.000	30.330.000		
	Bộ lắp ghép tạo hình dành cho trẻ Mẫu giáo					11.250.000	11.250.000		
1	Cát không gian		Kg	20	50.000	1.000.000	1.000.000		
2	Hạt sỏi chơi cát		Kg	20	65.000	1.300.000	1.300.000		
3	Bộ dụng cụ tạo hình màu nước		Bộ	10	150.000	1.500.000	1.500.000		
4	Rút thanh gỗ		Bộ	10	85.000	850.000	850.000		
5	Sâu ăn quả		Bộ	10	80.000	800.000	800.000		
6	Cây xanh ghép		Bộ	10	120.000	1.200.000	1.200.000		Phòng tạo hình
7	Bộ gấp bi		Bộ	10	12.000	120.000	120.000		
8	Xâu vòng không dây		Bộ	10	80.000	800.000	800.000		
9	Xâu hạt cườm		Bộ	10	70.000	700.000	700.000		
10	Bộ đan giỏ		Bộ	10	80.000	800.000	800.000		
11	Ghép nút bướm		Bộ	10	68.000	680.000	680.000		
12	Máy tính tiền		Bộ	10	150.000	1.500.000	1.500.000		
	Thiết bị vận động thông minh - Thiết bị ngoài trời					19.080.000	19.080.000		
13	Bộ đá sỏi		Bộ	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000		Sân trường
14	Nón xoay (mũ rùa)		Bộ	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000		
15	Bộ vận động tay và chân (vận động chân tay)		Bộ	2	3.800.000	7.600.000	7.600.000		



Stt	Trường/ Tên tài sản cố định; công cụ, dụng cụ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		Ghi chú
							Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)	(8)	(9)	(9)
16	Giữ bóng, banh thăng bằng (đệm thăng bằng)		Bộ	2	249.000	498.000	498.000		Sân trường
17	Mâm quay nhỏ (trái táo)		Bộ	1	7.500.000	7.500.000	7.500.000		
18	Bộ vòng đa năng 6 màu (vòng ghép thông minh)		Bộ	1	182.000	182.000	182.000		
19	Cà kheo thần kỳ		Bộ	6	50.000	300.000	300.000		
II	MẦM NON HOA HỒNG					60.590.000		60.590.000	
1	Máy vi tính	Chip vi xử lý Intel Core i3-12100 (3.30 GHz - 4.30 GHz, 12MB) - Mạch chính vi tính Gigabyte H610 SK1700 - Bộ nhớ vi tính 8GB/2666 - Ổ cứng SSD 256GB - Bộ nguồn vi tính CST SPU-550W - Tủ máy vi tính cổng USB phía trước - Màn hình LCD 21.5 inch (1920x1080/IPS/60Hz/5ms) - Hệ điều hành bản quyền vĩnh viễn: Windows Pro 11 64Bit Eng -FQC- 10528 - Bàn phím + chuột USB Bảo hành 24 tháng	Bộ	1	13.000.000	13.000.000		13.000.000	Phòng giáo viên.
2	Loa kéo điện Dalton	Loa Kéo Điện (2 Bass 50cm, 3000W, Kèm 2 Micro) - Loại loa: Loa kéo karaoke, Loa kéo điện - Bass loa: bass 50cm (18 inch) x2 - Số lượng bass loa: 2 bass - Số lượng treble loa: 2 treble - Công suất Max: 3000W - Nguồn sử dụng: Cắm điện trực tiếp - Số đường tiếng: 2 đường tiếng - Ứng dụng mở rộng Karaoke, Nghe nhạc - Trọng lượng: 78 kg; Kết nối: bluetooth	Cái	1	21.590.000	21.590.000		21.590.000	Phòng nghệ thuật.
3	Nhà banh	Nhà banh hình lục giác(2,5mx2,8m) có mái simili. Máng trượt đơn dài 1,8mx0,5m. Xà đu dài 2,5m,hộp 3x6.Bóng rổ:ĐK30cm và 1 cầu thang cao 1,3m x rộng 0,8m.1 Cầu thang cao 1,5mx rộng 0,8m.	Bộ	1	26.000.000	26.000.000		26.000.000	Sân trường.

Stt	Trường/ Tên tài sản cố định; công cụ, dụng cụ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		Ghi chú
							Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)	(8)	(9)	(9)
III	MẦM NON TÂN THUAN TÂY					39.520.000	39.520.000		
1	Máy vi tính để bàn	Chip vi xử lý Intel Core i3-12100 (3.30 GHz - 4.30 GHz, 12MB) - Mạch chính vi tính Gigabyte H610 SK1700 - Bộ nhớ vi tính 8GB/2666 - Ổ cứng SSD 256GB - Bộ nguồn vi tính CST SPU-550W - Thùng máy vi tính cổng USB phía trước - Màn hình LCD 21.5 inch (1920x1080/IPS/60Hz/5ms) - Hệ điều hành bản quyền vĩnh viễn: Windows Pro 11 64Bit Eng -FQC- 10528 - Bàn phím + chuột USB Bảo hành 24 tháng	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	13.000.000		Lớp lá 2 ở cơ sở 1
2	Tủ hồ sơ	Chất liệu: gỗ ghép cao su 17ly, phủ PU bóng chống trầy, lưng MDF 5ly có cửa đóng mở. KT: N94xC185xS40cm	Cái	2	3.000.000	6.000.000	6.000.000		Bộ phận văn thư và kế toán
3	Cầu đi thẳng bằng 9 bậc	KT: 250x70x80 cm KT: 250x70x80 - Chất liệu: Sắt sơn tĩnh điện kết hợp nhựa LLDPE cao cấp	Cái	1	12.960.000	12.960.000	12.960.000		Sân trường cơ sở 2
4	Cầu trượt nhà 1 khối	KT :170×170×175cm KT :170×170×175cm - Chất liệu: nhựa LLDPPE cao cấp	Cái	1	7.560.000	7.560.000	7.560.000		Sân trường cơ sở 2
IV	MẦM NON TÂN PHONG 2					16.800.000	16.800.000		
1	Hàng rào nhà xe	Thép ống khung phi 34 uốn cong, nan phi 27, sơn màu đa sắc theo mẫu dài 21m x cao 1m	m2	21	800.000	16.800.000	16.800.000		Cơ sở 2
TỔNG CỘNG (I + II + III + IV)						147.240.000	86.650.000	60.590.000	

DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI - THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU
DÙNG CHO GIÁO DỤC MẦM NON

(Theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
(Đính kèm Công văn số 444/TUBND-TCKH ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7)

Đơn vị: đồng

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
							44.274.000	44.274.000		
							2.460.000	2.460.000		
1	MN012027	Hệ tháp	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa nhiều màu đảm bảo an toàn. Cấu trúc gồm một trục đường kính khoảng 10mm được gắn vào đế có đường kính khoảng 90mm, vòng tháp nhỏ nhất có đường kính khoảng 50mm, khi xếp chồng lên nhau tạo thành một hình tháp cao khoảng 190mm. Tháp lắp được đầu hệ và các vòng tháp. Kích thước của chi tiết tối thiểu (35x35x35)mm.	Con	3	115.000	345.000	345.000		Lớp Nhím xinh
2	MN122030	Xe ngồi có bánh	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có tay cầm và chỗ ngồi, xe di chuyển được, kích thước khoảng (450x300x250)mm. Đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	1	500.000	500.000	500.000		Lớp Nhím xinh
3	MN122035	Các con vật đẩy	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, hình các con vật, kích thước khoảng (100x100x150)mm, có cán dài khoảng 450mm, đường kính thân cán khoảng 12mm và có bánh xe dễ đẩy dễ dàng.	Con	3	105.000	315.000	315.000		Lớp Nhím xinh
4	MN122038	Giỏ trái cây	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn có màu tự nhiên, gồm khoảng 12 loại quả khác nhau, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm, có giỏ đựng.	Giỏ	1	105.000	105.000	105.000		Lớp Gấu trúc
5	MN122044	Xe cũi thả hình	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Xe cũi có kích thước khoảng (150x200x150)mm, 4 bánh xe, đường kính nan cũi tối thiểu 10mm, có dây kéo. Mặt trên của xe có ít nhất 5 lỗ hình học cơ bản (hình vuông, tam giác, tròn, chữ nhật và bán nguyệt) và các khối hình tương ứng để thả có tỉ lệ và kích thước tương ứng; các khối hình để thả được sơn màu cơ bản có kích thước tối thiểu khối hình chuẩn (35x35x35)mm và đảm bảo không thể thả lẫn các hình với nhau.	Cái	2	125.000	250.000	250.000		Lớp Nhím xinh
6	MN122045	Đồ chơi nhồi bông	Vật liệu bằng vải mịn, màu sắc tươi sáng đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh. Kích thước khoảng (200x100x100)mm.	Con	5	100.000	500.000	500.000		Lớp Nhím xinh
7	MN122048	Bộ đồ chơi nấu ăn	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các đồ dùng nấu ăn thông dụng trong gia đình. Kích thước tối thiểu một chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	1	260.000	260.000	260.000		Lớp Nhím xinh
8	MN122053	Trống cơm	Vật liệu bằng nhựa, hoặc vật liệu khác, đường kính khoảng 120mm, chiều dài tối thiểu 350mm và có dây đeo.	Cái	2	40.000	80.000	80.000		Lớp Gấu trúc

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
9	MN122059	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	Nội dung phù hợp với chương trình độ tuổi, kích thước tối thiểu (300x400)mm in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	1	105.000	105.000	105.000		Lớp Gấu trúc
B. NHÓM 24-36 THÁNG TUỔI								7.481.000	7.481.000	
10	MN232032	Hộp thả hình	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước khoảng (140x140x140)mm, có tối thiểu 3 mặt được khoét các hình vuông, tròn, tam giác, chữ nhật. Kích thước lỗ to khoảng (42x42)mm, lỗ nhỏ khoảng (37x37)mm và 8 khối hình màu khác nhau, có kích thước tương ứng với các lỗ. Kích thước tối thiểu của 1 khối chuẩn (35x35x35)mm.	Bộ	5	135.000	675.000	675.000		Lớp Mèo Con
11	MN232035	Bộ xâu hạt	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa màu khác nhau. Gồm khoảng 10 hình cầu, có đường kính tối thiểu 32mm, có lỗ luồn dây có đường kính lỗ khoảng 6mm. Chiều dài dây xâu tối đa 220mm.	Bé	20	81.000	1.620.000	1.620.000		Lớp Mèo Con
12	MN232036	Bộ xâu dây	Vật liệu bằng nhựa hoặc gỗ đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm khoảng 10 khối hình khác nhau nhiều màu sắc, có lỗ xâu dây, kích thước tối thiểu của khối hình chuẩn (35x35x35)mm, chiều dài dây xâu tối đa là 220mm.	Bộ	10	44.000	440.000	440.000		Lớp Mèo Con
13	MN232041	Bộ xây dựng trên xe	Vật liệu bằng gỗ sơn màu, có bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm 35 chi tiết: khối trụ, khối chữ nhật, khối hình vuông, khối tam giác. Có kích thước tối thiểu khối hình chuẩn (35x35x35)mm, các khối hình khác có tỉ lệ tương ứng với khối hình chuẩn. Được xếp trên xe. Có dây kéo.	Bộ	2	230.000	460.000	460.000		Lớp Mèo Con
14	MN232044	Đồ chơi các con vật nuôi trong gia đình	Gồm hình các con vật nuôi trong gia đình, kích thước tối thiểu (150x130)mm in 4 màu, 2 mặt trên giấy Duplex định lượng khoảng (450g/m2x2), cán láng, gắn trên đế. Hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, thể hiện các con vật hình khối, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	2	140.000	280.000	280.000		Lớp Mèo Con
15	MN232045	Đồ chơi các con vật sống dưới nước	Gồm hình các con vật sống dưới nước, kích thước tối thiểu (150x130)mm in 4 màu, 2 mặt trên giấy Duplex định lượng khoảng (450g/m2x2), cán láng, gắn trên đế. Hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, thể hiện các con vật hình khối, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	2	140.000	280.000	280.000		Lớp Mèo Con
16	MN232046	Đồ chơi các con vật sống trong rừng	Gồm hình các con vật sống trong rừng, kích thước tối thiểu (150x130)mm in 4 màu, 2 mặt trên giấy Duplex định lượng khoảng (450g/m2x2), cán láng, gắn trên đế. Hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, thể hiện các con vật hình khối, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	2	140.000	280.000	280.000		Lớp Mèo Con
17	MN232047	Đồ chơi các loại rau, củ, quả	Gồm hình các loại rau, củ, quả thông thường, kích thước tối thiểu (150x130)mm in 4 màu, 2 mặt trên giấy Duplex định lượng khoảng (450g/m2x2), cán láng, gắn trên đế. Hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, thể hiện các loại rau, củ, quả hình khối, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	2	140.000	280.000	280.000		Lớp Mèo Con
18	MN232051	Đồ chơi với cát	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, bao gồm xeng, xô và các khuôn. Kích thước chi tiết tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	2	83.000	166.000	166.000		Lớp Mèo Con

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
19	MN232057	Bộ tranh truyện nhà trẻ	Nội dung phù hợp với chương trình độ tuổi, kích thước tối thiểu (300x400)mm in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	2	185.000	370.000	370.000		Lớp Thỏ trắng
20	MN232058	Bộ tranh nhà trẻ	Nội dung phù hợp với chương trình độ tuổi, kích thước tối thiểu (300x400)mm in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	1	105.000	105.000	105.000		Lớp Mèo Con
21	MN232058	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	Nội dung phù hợp với chương trình độ tuổi, kích thước tối thiểu (300x400)mm in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	3	105.000	315.000	315.000		Lớp Thỏ trắng
22	MN232063	Con rối	Bằng vải hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, thể hiện các nhân vật theo nội dung chuyện kể, kích thước tối thiểu (200x100x100)mm.	Bộ	1	90.000	90.000	90.000		Lớp Mèo Con
23	MN232068	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bằng nhựa hoặc vật liệu khác, gồm các đồ dùng nấu ăn thông dụng trong gia đình. Kích thước tối thiểu một chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	6	185.000	1.110.000	1.110.000		Lớp Thỏ trắng
24	MN232070	Bộ dụng cụ bác sĩ	Vật liệu bằng nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các dụng cụ thông dụng, có kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	2	170.000	340.000	340.000		Lớp Mèo Con
25	MN232074	Phách gỗ	Gồm 2 thanh bằng gỗ hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước khoảng (20x200x5)mm.	Bộ	10	10.000	100.000	100.000		Lớp Mèo Con
26	MN232075	Trống cơm	Vật liệu bằng nhựa, hoặc vật liệu khác, đường kính khoảng 120mm, chiều dài tối thiểu 350mm và có dây đeo.	Cái	5	40.000	200.000	200.000		Lớp Mèo Con
27	MN232078	Đất nặn	Gồm 6 màu cơ bản, có trọng lượng khoảng 200gr/hộp, vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, không độc hại, ổn định nhiệt độ, không dính tay.	Hộp	15	14.000	210.000	210.000		Lớp Mèo Con
28	MN232079	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Gồm 6 màu cơ bản, loại thông dụng phù hợp với trẻ, không độc hại.	Hộp	10	16.000	160.000	160.000		Lớp Mèo Con
							8.910.000	8.910.000		
29	MN341014	Ghế cho trẻ	Mặt ghế bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân ghế bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện. Kích thước mặt ghế khoảng (260x260), chiều cao khoảng 260mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	20	160.000	3.200.000	3.200.000		Lớp Mầm 1,2,3,4,5
30	MN342049	Bộ đồ chơi nấu ăn	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, gồm các đồ dùng nấu ăn thông dụng trong gia đình. Kích thước tối thiểu một chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	185.000	370.000	370.000		Mầm 5
31	MN342054	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm bình tưới, xẻng, cuốc, xới.... Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	10	120.000	1.200.000	1.200.000		Mầm 4
32	MN342057	Bộ động vật biển	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại động vật biển khác nhau. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	4	140.000	560.000	560.000		Mầm 5
33	MN342058	Bộ động vật sống trong rừng	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại động vật sống trong rừng. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	4	140.000	560.000	560.000		Mầm 5
34	MN342059	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại động vật nuôi trong nhà. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	6	140.000	840.000	840.000		Mầm 5

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
35	MN342060	Bộ côn trùng	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, gồm các loại côn trùng khác nhau. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	4	140.000	560.000	560.000		Mầm 5
36	MN342073	Hộp thả hình	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước khoảng (140x140x140)mm, có tối thiểu 3 mặt được khoét các hình vuông, tròn, tam giác, chữ nhật. Kích thước lỗ to khoảng (42x42)mm, lỗ nhỏ khoảng (37x37)mm và 8 khối hình màu khác nhau, có kích thước tương ứng với các lỗ. Kích thước tối thiểu của 1 khối chuẩn (35x35x35)mm.	Cái	12	135.000	1.620.000	1.620.000		Mầm 4
D- NHÓM 4-5 TUỔI										
37	MN451014	Ghế cho trẻ	Mặt ghế bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân ghế bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện. Kích thước mặt ghế khoảng (260x260)mm, chiều cao khoảng 270mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	40	160.000	6.400.000	6.400.000		Lớp Chồi 1,2,3,4,5 (4-5 tuổi)
38	MN452051	Bộ dụng cụ bác sỹ	Vật liệu bằng nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các dụng cụ thông dụng, có kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	4	170.000	680.000	680.000		Chồi 2
39	MN452057	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm bình tưới, xẻng, cuốc, xới.... Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	120.000	240.000	240.000		Chồi 5
40	MN452067	Kính lúp	Loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	3	17.000	51.000	51.000		Chồi 2
41	MN452069	Bể chơi với cát và nước	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu chịu nước khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu (400x300x150)mm.	Bộ	20	20.000	400.000	400.000		Chồi 3
42	MN452073	Bàn tính học đếm	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Bàn tính gồm 5 cọc có chân đế. Mỗi cọc có tối thiểu 6 hạt bàn tính được sơn màu khác nhau đường kính tối thiểu 35mm.	Bộ	2	200.000	400.000	400.000		Chồi 2
43	MN452076	Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình	Bằng nhựa hoặc vật liệu khác, gồm các đồ dùng nấu ăn thông dụng trong gia đình. Kích thước tối thiểu một chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	4	260.000	1.040.000	1.040.000		Chồi 5
44	MN452080	Bảng quay 2 mặt	Bằng thép hoặc các vật liệu khác. Kích thước bảng tối thiểu (700x1100)mm, có chân chắc chắn, điều chỉnh được độ cao và quay được bảng để sử dụng 2 mặt.	Cái	1	950.000	950.000	950.000		Chồi 3
45	MN452096	Bộ trang phục Công an	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	4	135.000	540.000	540.000		Chồi 3
46	MN452098	Bộ trang phục Bác sỹ	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	4	70.000	280.000	280.000		Chồi 3
47	MN4520101	Gạch xây dựng	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác màu đỏ, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các viên kích thước tối thiểu (140x70x35)mm và các viên kích thước (70x70x35)mm. Kèm bộ dụng cụ gồm: thước, bay, dao xây, quả dọi có kích thước tương ứng với kích thước gạch.	Thùng	1	462.000	462.000	462.000		Chồi 3
E- NHÓM 5-6 TUỔI										
48	MN561002	Cốc uống nước	Loại thông dụng có quai, đảm bảo an toàn, vệ sinh.	Cái	200	15.000	3.000.000	3.000.000		Lớp Lá 1,2,3,4,5
49	MN561013	Bàn cho trẻ	Mặt bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân bàn bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện, kích thước khoảng (900x480)mm, chiều cao khoảng 500 đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	5	500.000	2.500.000	2.500.000		Lớp Lá 1,2,3,4,5 (5-6 tuổi)

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
50	MN561014	Ghế cho trẻ	Mặt ghế bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân ghế bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện. Kích thước mặt ghế khoảng (260x260), chiều cao khoảng 280mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	30	160.000	4.800.000	4.800.000		Lớp Lá 1,2,3,4,5 (5-6 tuổi)
51	MN562032	Dây thừng	Loại không dẫn, chiều dài khoảng 2500mm, đường kính khoảng 10mm.	Cái	4	100.000	400.000	400.000		Lá 2,3,4
52	MN562042	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm bình tưới, xẻng, cuốc, xới.... Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	1	120.000	120.000	120.000		Lá 2
53	MN562047	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại xe ô tô khác nhau. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	120.000	240.000	240.000		Lá 1
54	MN562054	Cân chia vạch	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Loại thông dụng, có chia vạch. Kèm các chi tiết để cân, kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Cái	8	45.000	360.000	360.000		Lá 1,2,3,4
55	MN562055	Nam châm thẳng	Loại thẳng, thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	3	10.000	30.000	30.000		Lá 1,2,3
56	MN562056	Kính lúp	Loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	15	17.000	255.000	255.000		Lá 1,2,3
57	MN562059	Ghép nút lớn	Gồm khoảng 164 chi tiết, bằng nhựa màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu 1 chi tiết (35x35x35)mm. Các chi tiết được ghép lẫn với nhau.	Bộ	4	87.000	348.000	348.000		Lá 2
58	MN562060	Bộ ghép hình hoa	Vật liệu bằng nhựa nhiều màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu (35x35x5), các chi tiết được ghép với nhau đa chiều.	Bộ	5	163.000	815.000	815.000		Lá 4
59	MN562076	Lịch của trẻ	Bảng giấy hoặc chất liệu khác, kích thước tối thiểu (600x600)mm, thể hiện nội dung về thời gian, thời tiết, sinh hoạt trong ngày của trẻ.	Bộ	1	252.000	252.000	252.000		Lá 1
60	MN562084	Bộ đồ chơi nhà bếp	Vật liệu bằng nhựa hoặc gỗ đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm bếp, đồ dùng ăn uống, nồi niêu, xoong, chảo, ấm, ca cốc... Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	260.000	520.000	520.000		Lá 1
61	MN562094	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bao gồm áo, mũ bằng vải, ống nghe.	Bộ	2	170.000	340.000	340.000		Lá 1
							47.600.000		47.600.000	
							13.600.000		13.600.000	
1	MN231018	Ti vi màu	Hệ màu: Đa hệ. Màn hình phù hợp với diện tích lớp học. Hệ thống FVS; có hai đường tiếng (Stereo); công suất tối thiểu đường ra 2 x 10W; Có chức năng tự điều chỉnh âm lượng, dò kênh tự động và bằng tay. Ngôn ngữ hiển thị có Tiếng Việt. Có đường tín hiệu vào dưới dạng (AV, S – Video, DVD, HDMI). Nguồn tự động 90V – 240V/50Hz (TCL 43 inch, độ phân giải Full HD)	Cái	2	6.800.000	13.600.000		13.600.000	Lớp Mầm 2, Mầm 3
							20.400.000		20.400.000	

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
2	MN451018	Ti vi màu	Độc đĩa DVD, VCD/CD, CD – RW, MP3, JPEG. Hệ màu: Đa hệ. Tín hiệu ra dưới dạng AV, Video Component, S–video, HDMI. Phát lập từng bài, từng đoạn tùy chọn hoặc cả đĩa. Nguồn tự động từ 90V – 240V/50Hz (TCL 43 inch, độ phân giải Full HD)	Cái	3	6.800.000	20.400.000		20.400.000	Lớp Chồi 1, Chồi 2, Chồi 4
C NHÓM 5-6 TUỔI								13.600.000	13.600.000	
3	MN561018	Ti vi màu	Hệ màu: Đa hệ. Màn hình phù hợp với diện tích lớp học. Hệ thống FVS; có hai đường tiếng (Stereo); công suất tối thiểu đường ra 2 x 10 W; Có chức năng tự điều chỉnh âm lượng; dò kênh tự động và bằng tay. Ngôn ngữ hiển thị có Tiếng Việt. Có đường tín hiệu vào dưới dạng (AV, S – Video, DVD, HDMI). Nguồn tự động 90 V– 240 V/50Hz (TCL 43 inch, độ phân giải Full HD)	Cái	2	6.800.000	13.600.000		13.600.000	Lớp Lá 1 và Lá 5.
III MẦM NON TÂN THUẬN TÂY								15.810.000	15.810.000	
A NHÓM 24-36 THÁNG TUỔI								1.350.000	1.350.000	
1	MN231021	Giá để đồ chơi và học liệu	Bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có các ngăn để đồ chơi và học liệu. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với lớp học.	Cái	1	1.350.000	1.350.000	1.350.000		Lớp Gấu Bông
B NHÓM 3-4 TUỔI								3.162.000	3.162.000	
2	MN341020	Giá để đồ chơi và học liệu	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có các ngăn để đồ chơi và học liệu. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với lớp học.	Cái	1	1.350.000	1.350.000	1.350.000		Lớp Mầm 1
3	MN341020	Giá để đồ chơi và học liệu	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có các ngăn để đồ chơi và học liệu. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với lớp học.	Cái	1	1.350.000	1.350.000	1.350.000		Lớp Mầm 2
4	MN342053	Gạch xây dựng	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác màu đỏ, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các viên kích thước tối thiểu (140x70x35)mm và các viên kích thước (70x70x35)mm. Kèm bộ dụng cụ: thước, bay, dao xây, quả dọi có kích thước tương ứng với kích thước gạch.	Thùng	1	462.000	462.000	462.000		Lớp Mầm 4
C NHÓM 4-5 TUỔI								7.674.000	7.674.000	
5	MN451020	Giá để đồ chơi và học liệu	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có các ngăn để đồ chơi và học liệu. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với lớp học.	Cái	1	1.350.000	1.350.000	1.350.000		Lớp Chồi 1
6	MN451020	Giá để đồ chơi và học liệu	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có các ngăn để đồ chơi và học liệu. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với lớp học.	Cái	1	1.350.000	1.350.000	1.350.000		Lớp Chồi 2
7	MN451020	Giá để đồ chơi và học liệu	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có các ngăn để đồ chơi và học liệu. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với lớp học.	Cái	2	1.350.000	2.700.000	2.700.000		Lớp Chồi 3
8	MN451020	Giá để đồ chơi và học liệu	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có các ngăn để đồ chơi và học liệu. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với lớp học.	Cái	1	1.350.000	1.350.000	1.350.000		Lớp Chồi 4
9	MN4520101	Gạch xây dựng	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác màu đỏ, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các viên kích thước tối thiểu (140x70x35)mm và các viên kích thước (70x70x35)mm. Kèm bộ dụng cụ: thước, bay, dao xây, quả dọi có kích thước tương ứng với kích thước gạch.	Thùng	1	462.000	462.000	462.000		Lớp Chồi 1
10	MN4520101	Gạch xây dựng	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác màu đỏ, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các viên kích thước tối thiểu (140x70x35)mm và các viên kích thước (70x70x35)mm. Kèm bộ dụng cụ: thước, bay, dao xây, quả dọi có kích thước tương ứng với kích thước gạch.	Thùng	1	462.000	462.000	462.000		Lớp Chồi 4

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
							3.624.000	3.624.000		
11	MN561017	Giá để đồ chơi và học liệu	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có các ngăn để đồ chơi và học liệu. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với lớp học.	Cái	1	1.350.000	1.350.000	1.350.000		Lớp Lá 3
12	MN561017	Giá để đồ chơi và học liệu	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có các ngăn để đồ chơi và học liệu. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với lớp học.	Cái	1	1.350.000	1.350.000	1.350.000		Lớp Lá 5
13	MN562096	Gạch xây dựng	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác màu đỏ, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các viên kích thước tối thiểu (140x70x35)mm và các viên kích thước (70x70x35)mm. Kèm bộ dụng cụ gồm: thước, bay, dao xây, quả dọi có kích thước tương ứng với kích thước gạch.	Thùng	1	462.000	462.000	462.000		Lớp Lá 1
14	MN562096	Gạch xây dựng	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác màu đỏ, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các viên kích thước tối thiểu (140x70x35)mm và các viên kích thước (70x70x35)mm. Kèm bộ dụng cụ gồm: thước, bay, dao xây, quả dọi có kích thước tương ứng với kích thước gạch.	Thùng	1	462.000	462.000	462.000		Lớp Lá 2
							12.030.000	12.030.000		
1	MN231014	Bàn cho trẻ	Mặt bàn bằng nhựa PP chịu nước, chịu lực. Chân bàn bằng thép sơn tĩnh điện, kích thước mặt bàn khoảng (900x480)mm, chiều cao khoảng 460mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	14	270.000	3.780.000	3.780.000		Lớp Lá 6
2	MN231021	Kệ cá nhân chơi thao tác vai cho trẻ Nhà trẻ	Bảng gỗ cao su 17 ly, lưng MDF 5 ly, có bánh xe di chuyển. Đảm bảo chắc chắn, thẩm mỹ phù hợp với trẻ. Kích thước ngang 500mm x cao 400 mm, chiều sâu 250mm	Cái	15	550.000	8.250.000	8.250.000		Lớp Sóc Nâu (19->24 tháng); Lớp Hươu Con (25-> 36 tháng); Lớp Gấu Bông (25-> 36 tháng)
							11.055.000	11.055.000		
							1.069.000	1.069.000		
1	MN232033	Lồng hộp vuông	Gồm 4 hộp bằng gỗ hoặc nhựa 4 màu cơ bản có bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn; 4 hộp có thể lồng vào nhau, kích thước hộp ngoài cùng khoảng (100x100x100)mm, kích thước hộp trong cùng khoảng (50x50x50)mm.	Bộ	3	42.000	126.000	126.000		Lớp Cơm thường
2	MN232034	Lồng hộp tròn	Gồm 7 trụ tròn cân bằng nhựa hoặc gỗ đồng màu, có các màu khác nhau, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, có thể lồng vào nhau, đường kính tối thiểu của trụ ngoài khoảng 80mm, cao 50mm, đường kính tối thiểu của trụ nhỏ nhất khoảng 50mm, cao 35mm.	Bộ	3	41.000	123.000	123.000		
3	MN232048	Tranh ghép các con vật	Vật liệu bằng gỗ sơn màu hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm tranh ghép là các con vật gần gũi, kích thước tối thiểu (250x200)mm. Chi tiết ghép từ 5 đến 7 mảnh, không sắc cạnh, kích thước tối thiểu của mỗi chi tiết (35x35)mm.	Bộ	5	62.000	310.000	310.000		
4	MN232049	Tranh ghép các loại quả	Vật liệu bằng gỗ sơn màu hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm tranh ghép là các loại quả phổ biến, kích thước tối thiểu (250x200)mm. Chi tiết ghép từ 5 đến 7 mảnh, không sắc cạnh, kích thước tối thiểu của mỗi chi tiết (35x35)mm.	Bộ	5	62.000	310.000	310.000		
5	MN232074	Phách gỗ	Gồm 2 thanh bằng gỗ hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước khoảng (20x200x5)mm.	Bộ	20	10.000	200.000	200.000		Lớp Cơm thường

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
B. NHÓM 3-4 TUỔI										
6	MN342045	Ghép nút lớn	Khoảng 164 chi tiết, bằng nhựa màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu 1 chi tiết (35x35x35)mm. Các chi tiết được ghép lẫn với nhau.	Túi	4	87.000	348.000	348.000		Lớp Mầm
7	MN342062	Kính lúp	Loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	3	17.000	51.000	51.000		
8	MN342089	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Gồm các loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	20	30.000	600.000	600.000		
9	MN562087	Bộ trang phục nấu ăn	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	2	45.000	90.000	90.000		
C. NHÓM 4-5 TUỔI										
10	MN452047	Bộ lắp ghép	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác nhiều mẫu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm khoảng 55 chi tiết có thể lắp ghép đa chiều, kích thước 1 chi tiết tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	4	185.000	740.000	740.000		Lớp Chồi
11	MN452053	Bộ ghép hình hoa	Vật liệu bằng nhựa nhiều mẫu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x5)mm, các chi tiết được ghép lẫn với nhau.	Bộ	4	163.000	652.000	652.000		
12	MN452068	Phễu nhựa	Vật liệu bằng nhựa, loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	5	7.000	35.000	35.000		
13	MN452075	Ghép nút lớn	Gồm khoảng 164 chi tiết, bằng nhựa màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu 1 chi tiết (35x35x35)mm. Các chi tiết được ghép lẫn với nhau.	Túi	4	87.000	348.000	348.000		
14	MN452099	Bộ trang phục nấu ăn	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	2	45.000	90.000	90.000		
15	MN4520103	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Gồm các loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	7	30.000	210.000	210.000		
D. NHÓM 5-6 TUỔI										
16	MN562032	Dây thừng	Loại không đàn, chiều dài khoảng 2500mm, đường kính khoảng 10mm.	Cái	6	100.000	600.000	600.000		Lá 1 và Lá 2
17	MN562046	Bộ lắp ghép	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác nhiều mẫu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm nhiều chi tiết có thể lắp ghép đa chiều, kích thước 1 chi tiết tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	8	185.000	1.480.000	1.480.000		
18	MN562048	Bộ lắp ráp xe lửa	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa màu, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các hình khối , có thể lắp ráp thành đầu tàu và các toa tàu được liên kết với nhau bằng khớp nối, kích thước tối thiểu của các chi tiết (35x35x35)mm, có dây kéo.	Bộ	4	210.000	840.000	840.000		
19	MN562056	Kính lúp	Loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	6	17.000	102.000	102.000		
20	MN562059	Ghép nút lớn	Gồm khoảng 164 chi tiết, bằng nhựa màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu 1 chi tiết (35x35x35)mm. Các chi tiết được ghép lẫn với nhau.	Bộ	8	87.000	696.000	696.000		
21	MN562060	Bộ ghép hình hoa	Vật liệu bằng nhựa nhiều mẫu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu (35x35x5), các chi tiết được ghép với nhau đa chiều.	Bộ	8	163.000	1.304.000	1.304.000		
22	MN562063	Bàn tính học đếm	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Bàn tính gồm 5 cọc có chân đế. Mỗi cọc có tối thiểu 6 hạt bàn tính được sơn màu khác nhau đường kính tối thiểu 35mm.	Cái	4	200.000	800.000	800.000		

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
23	MN562075	Lô tô lắp ghép các khái niệm tương phản	Vật liệu bằng giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2 hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm khoảng 25 cặp có nội dung tương phản, kích thước khoảng (105x75)mm.	Bộ	10	34.000	340.000	340.000		Lá 1 và Lá 2
24	MN562087	Bộ trang phục nấu ăn	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	4	45.000	180.000	180.000		
25	MN562099	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Gồm các loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	16	30.000	480.000	480.000		
							45.600.000	45.600.000		
							6.600.000	6.600.000		
1	MN231014	Bàn cho trẻ	Mặt bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân bàn bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện, kích thước mặt bàn khoảng (800x450)mm, chiều cao khoảng 450mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	10	500.000	5.000.000	5.000.000		Lớp Thỏ ngọc và Sóc Nâu
2	MN231015	Ghế cho trẻ	Mặt ghế bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân ghế bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện. Kích thước mặt ghế khoảng (250x250)mm, chiều cao khoảng 250mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	10	160.000	1.600.000	1.600.000		Lớp Thỏ ngọc và Sóc Nâu
							13.000.000	13.000.000		
3	MN341013	Bàn cho trẻ	Mặt bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân bàn bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện, kích thước khoảng (900x480)mm, chiều cao khoảng 460mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	10	500.000	5.000.000	5.000.000		Lớp Mầm 2
4	MN341014	Ghế cho trẻ	Mặt ghế bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân ghế bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện. Kích thước mặt ghế khoảng (260x260), chiều cao khoảng 260mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	50	160.000	8.000.000	8.000.000		Lớp Mầm 2 (40 cái), Mầm 3 (10 cái)
							18.000.000	18.000.000		
5	MN451013	Bàn cho trẻ	Mặt bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân bàn bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện, kích thước khoảng (900x480)mm, chiều cao khoảng 480mm đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	20	500.000	10.000.000	10.000.000		Lớp Chồi 3
6	MN451014	Ghế cho trẻ	Mặt ghế bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân ghế bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện. Kích thước mặt ghế khoảng (260x260)mm, chiều cao khoảng 270mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	50	160.000	8.000.000	8.000.000		Lớp Chồi 3 (40 cái), Chồi 4 (10 cái)
							5.000.000	5.000.000		
7	MN561014	Ghế cho trẻ	Mặt ghế bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân ghế bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện. Kích thước mặt ghế khoảng (260x260), chiều cao khoảng 280mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	50	160.000	8.000.000	8.000.000		Lớp Lá 1 (40 cái), Lá 2 (10 cái)
							41.388.500	41.388.500		
							1.705.000	1.705.000		
1	MN122031	Lồng hộp vuông	Gồm 4 hộp bằng gỗ hoặc nhựa 4 màu cơ bản có bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn; 4 hộp có thể lồng vào nhau, kích thước hộp ngoài cùng khoảng (100x100x100)mm, kích thước hộp trong cùng khoảng (50x50x50)mm.	Bộ	2	42.000	84.000	84.000		Lớp Thỏ ngọc
2	MN122039	Búp bê bé trai	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, tóc được đúc liền khối đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng, chiều cao khoảng 350mm.	Con	2	220.000	440.000	440.000		

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
3	MN122040	Búp bê bé gái	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, tóc được đúc liền khối đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng, chiều cao khoảng 350mm.	Con	2	220.000	440.000	440.000		Lớp Thỏ ngọc
4	MN122042	Khối hình to	Vật liệu bằng nhựa hoặc gỗ có các màu cơ bản, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn.Gồm 14 khối:	Bộ	2	118.000	236.000	236.000		
5	MN122043	Khối hình nhỏ	Vật liệu bằng nhựa hoặc gỗ có các màu cơ bản, bề mặt phẳng không sắc cạnh đảm bảo tiêu chuẩn an toàn.Gồm 14 khối:	Bộ	2	67.000	134.000	134.000		
6	MN122049	Bộ tranh nhận biết, tập nói	Nội dung phù hợp với chương trình độ tuổi, kích thước tối thiểu (300x400)mm in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ tranh	1	43.000	43.000	43.000		
7	MN122058	Bộ tranh truyện nhà trẻ	Nội dung phù hợp với chương trình độ tuổi, kích thước tối thiểu (300x400)mm in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	1	135.000	135.000	135.000		
8	MN122059	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	Nội dung phù hợp với chương trình độ tuổi, kích thước tối thiểu (300x400)mm in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	1	105.000	105.000	105.000		
9	MN123061	Thơ ở Nhà trẻ	Sách, tài liệu có nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt do các NXB phát hành.	Quyển	1	43.000	43.000	43.000		
10	MN123062	Truyện kể ở Nhà trẻ	Sách, tài liệu có nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt do các NXB phát hành.	Quyển	1	45.000	45.000	45.000		
B NHÓM 24-36 THÁNG TUỔI							2.457.000	2.457.000		
11	MN232033	Lồng hộp vuông	Gồm 4 hộp bằng gỗ hoặc nhựa 4 màu cơ bản có bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn; 4 hộp có thể lồng vào nhau, kích thước hộp ngoài cùng khoảng (100x100x100)mm, kích thước hộp trong cùng khoảng (50x50x50)mm.	Bộ	1	42.000	42.000	42.000		Lớp Sóc nâu
12	MN232034	Lồng hộp tròn	Gồm 7 trụ tròn cân bằng nhựa hoặc gỗ đồng màu, có các màu khác nhau, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, có thể lồng vào nhau, đường kính tối thiểu của trụ ngoài khoảng 80mm, cao 50mm, đường kính tối thiểu của trụ nhỏ nhất khoảng 50mm, cao 35mm.	Bộ	1	41.000	41.000	41.000		
13	MN232035	Bộ xâu hạt	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa màu khác nhau. Gồm khoảng 10 hình cầu, có đường kính tối thiểu 32mm, có lỗ luồn dây có đường kính lỗ khoảng 6mm. Chiều dài dây xâu tối đa 220mm.	Bé	2	81.000	162.000	162.000		
14	MN232036	Bộ xâu dây	Vật liệu bằng nhựa hoặc gỗ đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm khoảng 10 khối hình khác nhau nhiều màu sắc, có lỗ xâu dây, Kích thước tối thiểu của khối hình chuẩn (35x35x35)mm, chiều dài dây xâu tối đa là 220mm.	Bộ	2	44.000	88.000	88.000		
15	MN232038	Búa 3 bi 2 tầng	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, có 3 viên bi đường kính khoảng 40mm, có 2 tầng. Tầng trên được đặt 3 viên bi, tầng dưới có hệ thống trượt dẫn bi ra ngoài, kèm theo búa có kích thước đầu búa khoảng (35x55)mm, cán dài khoảng 180mm.	Bộ	1	145.000	145.000	145.000		
16	MN232040	Bộ tháo lắp vòng	Gồm các vòng tròn không liền, bằng nhựa nhiều màu, đường kính tối thiểu 35mm.	Bộ	1	101.000	101.000	101.000		
17	MN232058	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	Nội dung phù hợp với chương trình độ tuổi, kích thước tối thiểu (300x400)mm in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	1	105.000	105.000	105.000		

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)^(7)	(9)	(10)	(11)
18	MN232065	Khối hình nhỏ	Vật liệu bằng nhựa hoặc gỗ có các màu cơ bản, bề mặt phẳng không sắc cạnh đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm 14 khối: - 4 khối hình vuông, kích thước tối thiểu (40x40)mm. - 4 khối hình chữ nhật, kích thước tối thiểu (20x80)mm. - 4 khối hình tam giác vuông cân, cạnh có chiều dài tối thiểu 40mm. - 2 khối hình trụ đường kính tối thiểu 40mm, cao khoảng 40mm.	Bộ	2	67.000	134.000	134.000		Lớp Sóc nâu
19	MN232066	Búp bê bé trai (cao - thấp)	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, tóc được đúc liền khối đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng. Có chiều cao khoảng 400mm, và 300mm.	Con	2	220.000	440.000	440.000		
20	MN232067	Búp bê bé gái (cao- thấp)	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, tóc được đúc liền khối đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng. Có chiều cao khoảng 400mm, và 300mm.	Con	2	220.000	440.000	440.000		
21	MN232068	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bằng nhựa hoặc vật liệu khác, gồm các đồ dùng nấu ăn thông dụng trong gia đình. Kích thước tối thiểu một chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	1	185.000	185.000	185.000		
22	MN232070	Bộ dụng cụ bác sĩ	Vật liệu bằng nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các dụng cụ thông dụng, có kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	1	170.000	170.000	170.000		
23	MN232073	Xắc xô nhỏ	Vật liệu bằng nhựa màu, đường kính khoảng 120mm. Không sắc cạnh đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh.	Cái	2	18.000	36.000	36.000		
24	MN232075	Trống cơm	Vật liệu bằng nhựa, hoặc vật liệu khác, đường kính khoảng 120mm, chiều dài tối thiểu 350mm và có dây đeo.	Cái	1	40.000	40.000	40.000		
25	MN233082	Thơ ở Nhà trẻ	Sách, tài liệu có nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt do các NXB phát hành.	Quyển	1	55.000	55.000	55.000		
26	MN233083	Truyện kể ở Nhà trẻ	Sách, tài liệu có nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt do các NXB phát hành.	Quyển	1	45.000	45.000	45.000		
27	MN233088	Tuyển tập thơ ca, truyện kể, trò chơi, câu đố	Sách, tài liệu có nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt do các NXB phát hành.	Quyển	1	228.000	228.000	228.000		
							1.760.000	1.760.000		
28	MN342047	Búp bê bé trai	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, tóc được đúc liền khối đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng. Có chiều cao khoảng 400mm.	Con	4	220.000	880.000	880.000		Lớp Mầm 1 và Mầm 2
29	MN342048	Búp bê bé gái	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, tóc được đúc liền khối đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng. Có chiều cao khoảng 400mm.	Con	4	220.000	880.000	880.000		
							18.209.000	18.209.000		
30	MN451012	Ghế giáo viên	Mặt ghế bằng gỗ hoặc nhựa chịu nước, chịu lực. Chân ghế bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện. Kích thước mặt ghế khoảng (320x320)mm, chiều cao khoảng 350mm, đảm bảo chắc chắn.	Cái	1	305.000	305.000	305.000		Lớp Chồi 4
31	MN452033	Các khối hình học	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm 5 hình khối: Khối hình chữ nhật, khối hình tam giác, khối hình cầu, khối hình trụ tròn, khối hình vuông. Kích thước tối thiểu khối hình chuẩn (80x80x80)mm. Các khối hình khác có kích thước tương ứng.	Bộ	5	67.000	335.000	335.000		Lớp Chồi 2

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
32	MN452034	Bộ xâu dây tạo hình	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa nhiều màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các khối hình chữ nhật, khối hình tròn, khối hình tam giác, khối hình vuông (mỗi loại có khoảng 3 khối), kích thước tối thiểu 1 khối hình chuẩn (35x35x35)mm. Các khối hình khác có kích thước tương ứng và có lỗ luồn dây, đường kính khoảng 2mm. Dây xâu dài tối đa 220mm.	Hộp	13	37.000	481.000	481.000		Lớp Chồi 1, 2
33	MN452035	Kéo thủ công	Loại thông dụng, cán nhựa, đầu tù đảm bảo an toàn cho trẻ.	Cái	45	10.000	450.000	450.000		Lớp Chồi 2, 3
34	MN452036	Kéo văn phòng	Loại thông dụng.	Cái	1	32.000	32.000	32.000		Lớp Chồi 2
35	MN452040	Bộ dinh dưỡng 1	Vật liệu bằng nhựa hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các loại: Bắp cải, su hào, cà rốt, mướp đắng, khoai tây, cà tím tròn, ngô bao tử, súp lơ, đậu bắp, bí đao.... Kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	1	75.000	75.000	75.000		Lớp Chồi 2
36	MN452041	Bộ dinh dưỡng 2	Vật liệu bằng nhựa hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các loại: Cải trắng, cà chua, dưa chuột, củ cải trắng, đậu quả, su su, bắp cải thảo, cà tím dài, quả gấc, quả mướp.... Kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	1	75.000	75.000	75.000		Lớp Chồi 2
37	MN452042	Bộ dinh dưỡng 3	Vật liệu bằng nhựa hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các loại: Ngô bắp, khoai lang, củ sắn, củ tỏi, củ gừng, quả chanh, quả ớt, bí ngô, quả me, trứng gà, trứng vịt.... Kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	1	75.000	75.000	75.000		Lớp Chồi 2
38	MN452043	Bộ dinh dưỡng 4	Vật liệu bằng nhựa hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các loại bánh: Bánh dày, bánh nướng, bánh dẻo, giò, chả, gà quay, bánh mỳ.... Kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	1	75.000	75.000	75.000		Lớp Chồi 2
39	MN452046	Bộ luồn hạt	Gồm 3 khung bằng thép sơn màu, đường kính khoảng 0,4mm được uốn theo các hình xoắn và rít rắc và gắn vào đế bằng gỗ hoặc vật liệu khác, đảm bảo chắc chắn. Các hạt có hình khối khác nhau bằng gỗ hoặc nhựa nhiều màu, được luồn sẵn trong khung thép. Kích thước của bộ luồn hạt khoảng (400x300x150)mm. Vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn.	Bộ	2	336.000	672.000	672.000		Lớp Chồi 2
40	MN452047	Bộ lắp ghép	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác nhiều màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm khoảng 55 chi tiết có thể lắp ghép đa chiều, kích thước 1 chi tiết tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	2	185.000	370.000	370.000		Lớp Chồi 2
41	MN452048	Búp bê bé trai	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng. Có chiều cao khoảng 400mm.	Con	6	220.000	1.320.000	1.320.000		Lớp Chồi 1, 2, 3
42	MN452049	Búp bê bé gái	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng. Có chiều cao khoảng 400mm.	Con	4	220.000	880.000	880.000		Lớp Chồi 1, 2
43	MN452051	Bộ dụng cụ bác sỹ	Vật liệu bằng nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các dụng cụ thông dụng, có kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	3	170.000	510.000	510.000		Lớp Chồi 1, 2
44	MN452052	Bộ tranh cảnh báo	Gồm các tranh có nội dung cảnh báo nguy hiểm thường gặp phù hợp với chương trình độ tuổi. Kích thước tối thiểu (190x270)mm, in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m ² , cán láng.	Bộ	1	45.000	45.000	45.000		Lớp Chồi 1
45	MN452053	Bộ ghép hình hoa	Vật liệu bằng nhựa nhiều màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x5)mm, các chi tiết được ghép lẫn với nhau.	Bộ	4	163.000	652.000	652.000		Lớp Chồi 1, 2

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
46	MN452054	Bộ lắp ráp nút tròn	Vật liệu bằng nhựa màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm khoảng 64 chi tiết. Kích thước tối thiểu 1 chi tiết (35x35x35)mm, các chi tiết được ghép lẫn với nhau.	Bộ	5	55.000	275.000	275.000		Lớp Chồi 1, 2
47	MN452055	Hàng rào nhựa	Bằng nhựa hoặc gỗ, có nan ghép với nhau liền trên 1 tấm. Kích thước 1 tấm hàng rào khoảng (350x400)mm, có chân đế.	Bộ	5	120.000	600.000	600.000		Lớp Chồi 2,3
48	MN452058	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm kim, ốc vít, clê, búa... Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	230.000	460.000	460.000		Lớp Chồi 1
49	MN452059	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại xe ô tô khác nhau. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	120.000	240.000	240.000		Lớp Chồi 1
50	MN452060	Bộ lắp ráp xe lửa	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa màu, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các hình khối, có thể lắp ráp thành đầu tàu và các toa tàu được liên kết với nhau bằng khớp nối, kích thước tối thiểu của các chi tiết (35x35x35)mm, có dây kéo.	bộ	1	230.000	230.000	230.000		Lớp Chồi 1
51	MN452061	Bộ động vật biển	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại động vật biển khác nhau. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	140.000	280.000	280.000		Lớp Chồi 1
52	MN452062	Bộ động vật sống trong rừng	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại động vật sống trong rừng. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	140.000	280.000	280.000		Lớp Chồi 1
53	MN452063	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại động vật nuôi trong nhà. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	4	140.000	560.000	560.000		Lớp Chồi 1, 2
54	MN452064	Bộ côn trùng	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, gồm các loại côn trùng khác nhau. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	140.000	280.000	280.000		Lớp Chồi 1
55	MN452070	Cân thăng bằng	Loại cân đòn, bằng nhựa hoặc vật liệu khác và các chi tiết để cân. Các chi tiết có kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	2	160.000	320.000	320.000		Lớp Chồi 3
56	MN452071	Bộ làm quen với toán	Gồm khoảng 100 chi tiết các loại phù hợp với chương trình độ tuổi; Bảng giấy Duplex định lượng khoảng (450g/m ² x2). In 2 mặt 4 màu, cân bằng hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước 1 chi tiết tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	1	51.000	51.000	51.000		Lớp Chồi 2
57	MN452072	Đồng hồ lắp ráp	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các khối hình in số từ 1 đến 12, có thể ghép với nhau thành đồng hồ. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	110.000	220.000	220.000		Lớp Chồi 3
58	MN452073	Bàn tính học đếm	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Bàn tính gồm 5 cọc có chân đế. Mỗi cọc có tối thiểu 6 hạt bàn tính được sơn màu khác nhau đường kính tối thiểu 35mm.	Bộ	3	200.000	600.000	600.000		Lớp Chồi 2
59	MN452074	Bộ hình phẳng	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm 4 loại: Hình chữ nhật, hình tròn, hình vuông, hình tam giác. Kích thước tối thiểu của 1 hình chuẩn (35x35x5)mm. Các hình khác có kích thước tương ứng.	Túi	15	16.000	240.000	240.000		Lớp Chồi 2
60	MN452075	Ghép nút lớn	Gồm khoảng 164 chi tiết, bằng nhựa màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu 1 chi tiết (35x35x35)mm. Các chi tiết được ghép lẫn với nhau.	Túi	3	87.000	261.000	261.000		Lớp Chồi 1

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
61	MN452076	Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình	Bằng nhựa hoặc vật liệu khác, gồm các đồ dùng nấu ăn thông dụng trong gia đình. Kích thước tối thiểu một chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	3	260.000	780.000	780.000		Lớp Chồi 1
62	MN452077	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Vật liệu bằng gỗ bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm 36 chi tiết: Khối hình chữ nhật khuyết 2 bán cầu, khối hình tam giác, khối hình vuông, khối hình thang và các khối trụ. Kích thước tối thiểu của khối hình chuẩn (35x35x35)mm. Các khối hình khác có kích thước tương ứng, được xếp trong hộp.	Bộ	6	245.000	1.470.000	1.470.000		Lớp Chồi 1, 2
63	MN452080	Bảng quay 2 mặt	Bảng thép hoặc các vật liệu khác. Kích thước bảng tối thiểu (700x1100)mm, có chân chắc chắn, điều chỉnh được độ cao và quay được bảng để sử dụng 2 mặt.	Cái	2	950.000	1.900.000	1.900.000		Lớp Chồi 2,3
64	MN452087	Domino học toán	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm tối thiểu 28 quân có kích thước khoảng (65x35)mm, thể hiện nội dung làm quen với toán.	Bộ	5	60.000	300.000	300.000		Lớp Chồi 1
65	MN452088	Bộ chữ số và số lượng	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu (100x80)mm được chia tối thiểu 2 miếng ghép, mỗi chi tiết có kích thước tối thiểu (35x35)mm, in màu thể hiện chữ số từ 1 đến 10 và hình ảnh minh họa số lượng tương ứng.	Bộ	15	12.000	180.000	180.000		Lớp Chồi 1
66	MN452089	Lô tô hình và số lượng	Kích thước tối thiểu (100x70)mm, in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cân lạng.	Bộ	15	16.000	240.000	240.000		Lớp Chồi 1
67	MN452096	Bộ trang phục Công an	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	1	135.000	135.000	135.000		Lớp Chồi 2
68	MN452097	Bộ trang phục Bộ đội	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	1	160.000	160.000	160.000		Lớp Chồi 2
69	MN452098	Bộ trang phục Bác sỹ	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	2	70.000	140.000	140.000		Lớp Chồi 2,3
70	MN452099	Bộ trang phục nấu ăn	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	1	45.000	45.000	45.000		Lớp Chồi 2
71	MN4520100	Bộ xếp hình xây dựng Lăng Bác	Vật liệu bằng gỗ hoặc nhựa, Gồm nhiều khối hình và các chi tiết khác nhau có bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	1	420.000	420.000	420.000		Lớp Chồi 1
72	MN4520101	Gạch xây dựng	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác màu đỏ, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các viên kích thước tối thiểu (140x70x35)mm và các viên kích thước (70x70x35)mm. Kèm bộ dụng cụ gồm: thước, bay, dao xây, quả dọi có kích thước tương ứng với kích thước gạch.	Thùng	1	462.000	462.000	462.000		Lớp Chồi 4
73	MN4520102	Con rối	Bằng vải hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, thể hiện các nhân vật theo nội dung chuyện kể, kích thước tối thiểu (200x100x100)mm.	Bộ	1	200.000	200.000	200.000		Lớp Chồi 4
74	MN4520103	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Gồm các loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	10	30.000	300.000	300.000		Lớp Chồi 2,3
75	MN4520119	Tuyển tập thơ ca, truyện kể, trò chơi, câu đố	Sách, tài liệu có nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt do các NXB phát hành.	Cuốn	1	228.000	228.000	228.000		Lớp Chồi 2

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
							17.457.400	17.457.400		
76	MN562026	Xắc xô	Vật liệu bằng nhựa màu, đường kính khoảng 180mm. Không sắc cạnh đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh.	Cái	2	26.000	52.000	52.000		Lớp Lá 1
77	MN562031	Đồ chơi Bowling	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm 10 con Ky có chiều cao khoảng 200mm, có đánh số thứ tự từ 1 đến 10, kèm theo bóng có đường kính khoảng 80mm.	Bộ	10	60.000	600.000	600.000		Lớp Lá 1, Lá 2
78	MN562032	Dây thừng	Loại không dẫn, chiều dài khoảng 2500mm, đường kính khoảng 10mm.	Cái	6	100.000	600.000	600.000		Lớp Lá 1, Lá 2
79	MN562033	Nguyên liệu để đan tết	Gồm các sợi tự nhiên và nhân tạo có nhiều màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, chiều dài tối đa là 220mm.	kg	2	100.000	200.000	200.000		Lớp Lá 1, Lá 2
80	MN562034	Kéo thủ công	Loại thông dụng, cán nhựa, đầu tù đảm bảo an toàn cho trẻ.	Cái	20	10.000	200.000	200.000		Lớp Lá 2
81	MN562038	Bộ dinh dưỡng 1	Vật liệu bằng nhựa hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các loại: Bắp cải, su hào, cà rốt, mướp đắng, khoai tây, cà tím tròn, ngô bao tử, súp lơ, đậu bắp, bí đao.... Kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	2	75.000	150.000	150.000		Lớp Lá 1, Lá 2
82	MN562039	Bộ dinh dưỡng 2	Vật liệu bằng nhựa hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các loại: Cải trắng, cà chua, dưa chuột, củ cải trắng, đậu quả, su su, bắp cải thảo, cà tím dài, quả gấc, quả mướp.... Kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	2	75.000	150.000	150.000		Lớp Lá 1, Lá 2
83	MN562040	Bộ dinh dưỡng 3	Vật liệu bằng nhựa hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các loại: Ngô bắp, khoai lang, củ sắn, củ tỏi, củ gừng, quả chanh, quả ớt, bí ngô, quả me, trứng gà, trứng vịt.... Kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	2	75.000	150.000	150.000		Lớp Lá 1, Lá 2
84	MN562041	Bộ dinh dưỡng 4	Vật liệu bằng nhựa hoặc các vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm các loại bánh: Bánh dày, bánh nướng, bánh dẻo, giò, chả, gà quay, bánh mỳ.... Kích thước chi tiết nhỏ nhất (35x35x35)mm.	Bộ	2	75.000	150.000	150.000		Lớp Lá 1, Lá 4
85	MN562042	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm bình tưới, xẻng, cuốc, xới.... Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	1	120.000	120.000	120.000		Lớp Lá 1
86	MN562043	Bộ lắp ráp kỹ thuật	Bảng gỗ hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm ốc vít, cle, búa...bàn êtô. Kích thước 1 chi tiết tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	1	75.000	75.000	75.000		Lớp Lá 1
87	MN562047	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại xe ô tô khác nhau. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	120.000	240.000	240.000		Lớp Lá 1, Lá 2
88	MN562050	Bộ động vật sống dưới nước	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại động vật sống dưới nước khác nhau. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	140.000	280.000	280.000		Lớp Lá 2
89	MN562051	Bộ động vật sống trong rừng	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại động vật sống trong rừng. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	4	140.000	560.000	560.000		Lớp Lá 1, Lá 2
90	MN562052	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các loại động vật nuôi trong nhà. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm..	Bộ	4	140.000	560.000	560.000		Lớp Lá 1, Lá 2

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
91	MN562053	Bộ côn trùng	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, gồm các loại côn trùng khác nhau. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	4	140.000	560.000	560.000		Lớp Lá 1, Lá 2
92	MN562054	Cân chia vạch	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Loại thông dụng, có chia vạch. Kèm các chi tiết để cân, kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Cái	2	45.000	90.000	90.000		Lớp Lá 1, Lá 2
93	MN562055	Nam châm thẳng	Loại thẳng, thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	6	10.000	60.000	60.000		Lớp Lá 1, Lá 4
94	MN562056	Kính lúp	Loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	3	17.000	51.000	51.000		Lớp Lá 4
95	MN562059	Ghép nút lớn	Gồm khoảng 164 chi tiết, bằng nhựa màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Kích thước tối thiểu 1 chi tiết (35x35x35)mm. Các chi tiết được ghép lẫn với nhau.	Bộ	8	87.000	696.000	696.000		Lớp Lá 1,2,3,4
96	MN562060	Bộ ghép hình hoa	Vật liệu bằng nhựa nhiều màu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu (35x35x5), các chi tiết được ghép với nhau đa chiều.	Bộ	6	163.000	978.000	978.000		Lớp Lá 1,2,3
97	MN562062	Đồng hồ học số, học hình	Bằng gỗ hoặc vật liệu khác, mặt đồng hồ gồm 12 hình khác nhau có đánh số từ 1 đến 12, lắp ráp được. Kích thước tối thiểu của 1 khối hình (35x35x35)mm.	Cái	2	225.000	450.000	450.000		Lớp Lá 4
98	MN562064	Bộ làm quen với toán	Gồm khoảng 150 chi tiết các loại phù hợp với chương trình độ tuổi; Bằng nhựa hoặc giấy Duplex định lượng khoảng (450g/m2x2). In 2 mặt 4 màu, cán láng hoặc vật liệu đảm bảo tiêu chí an toàn khác. Kích thước 1 chi tiết tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	5	68.000	340.000	340.000		Lớp Lá 3
99	MN562065	Bộ hình khối	Bằng gỗ hoặc vật liệu khác, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm 5 khối hình: Khối hình chữ nhật, khối hình trụ tròn, khối hình vuông, khối hình tam giác, khối hình cầu. Kích thước tối thiểu khối hình chuẩn (80x80x80)mm. Các khối hình khác có tỉ lệ tương ứng.	Bộ	5	42.000	210.000	210.000		Lớp Lá 1
100	MN562067	Bộ que tính	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm 10 que tính, chiều dài khoảng 150mm, đường kính khoảng 0,4mm.	Bộ	15	6.500	97.500	97.500		
101	MN562068	Lô tô động vật	Kích thước tối thiểu (100x70)mm, in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	15	10.000	150.000	150.000		
102	MN562069	Lô tô thực vật	Kích thước tối thiểu (100x70)mm, in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	15	10.000	150.000	150.000		
103	MN562070	Lô tô phương tiện giao thông	Kích thước tối thiểu (100x70)mm, in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	15	10.000	150.000	150.000		
104	MN562071	Lô tô đồ vật	Kích thước tối thiểu (100x70)mm, in 4 màu trên giấy Couche định lượng tối thiểu 200g/m2, cán láng.	Bộ	15	10.000	150.000	150.000		Lớp Lá 1
105	MN562072	Domino chữ cái và số	Vật liệu bằng nhựa hoặc vật liệu khác, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, in 2 mặt, gồm 39 thẻ kích thước khoảng (65x35)mm. In các chữ cái tiếng Việt và các chữ số từ 1 đến 10.	Hộp	10	80.000	800.000	800.000		
106	MN562073	Bảng quay 2 mặt	Bằng thép hoặc các vật liệu khác. Kích thước bảng tối thiểu (700x1100)mm, có chân chắc chắn, điều chỉnh được độ cao và quay được bảng để sử dụng 2 mặt.	Cái	1	950.000	950.000	950.000		Lớp Lá 3

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
107	MN562074	Bộ chữ cái	Gồm 29 thẻ chữ, kích thước khoảng (20x60)mm, in chữ cái tiếng Việt (Font chữ Vnavant, cỡ 72, in đậm).	Bộ	10	12.000	120.000	120.000		Lớp Lá 1, 3
108	MN562083	Bộ dụng cụ lao động	Bằng nhựa hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm bình tưới, xẻng, cuốc, xới. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	3	44.000	132.000	132.000		Lớp Lá 1
109	MN562084	Bộ đồ chơi nhà bếp	Vật liệu bằng nhựa hoặc gỗ đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm bếp, đồ dùng ăn uống, nồi niêu, xoong, chảo, ấm, ca cốc... Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	3	260.000	780.000	780.000		Lớp Lá 1, 2, 4
110	MN562085	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, gồm 1 bộ bàn ghế, 1 giường, 1 tủ. Kích thước tối thiểu của tủ (150x70x90)mm, kích thước của các sản phẩm khác có tỉ lệ tương ứng. Các chi tiết lắp ghép có kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Bộ	3	245.000	735.000	735.000		Lớp Lá 1, 2, 3
111	MN562086	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	Bằng nhựa hoặc vật liệu khác, gồm các đồ dùng nấu ăn thông dụng trong gia đình. Kích thước tối thiểu một chi tiết (35x35x35)mm.	Bộ	2	220.000	440.000	440.000		Lớp Lá 1, 4
112	MN562087	Bộ trang phục nấu ăn	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	1	45.000	45.000	45.000		Lớp Lá 1
113	MN562088	Búp bê bé trai	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng. Có chiều cao khoảng 400mm.	Con	1	220.000	220.000	220.000		Lớp Lá 3
114	MN562089	Búp bê bé gái	Loại thông dụng bằng vật liệu mềm, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng. Có chiều cao khoảng 400mm.	Con	1	220.000	220.000	220.000		Lớp Lá 3
115	MN562090	Bộ trang phục công an	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	1	160.000	160.000	160.000		Lớp Lá 1
116	MN562091	Doanh trại bộ đội	Bằng giấy Duplex định lượng tối thiểu (450g/m ² x2) có chân đế hoặc vật liệu khác đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, in 2 mặt 4 màu. Nội dung gồm các hoạt động của bộ đội trong doanh trại. Kích thước tối thiểu của 1 chi tiết (35x35)mm.	Bộ	4	60.000	240.000	240.000		Lớp Lá 1, 2
117	MN562092	Bộ trang phục bộ đội	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	1	160.000	160.000	160.000		Lớp Lá 1
118	MN562093	Bộ trang phục công nhân	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	1	160.000	160.000	160.000		Lớp Lá 1
119	MN562094	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bao gồm áo, mũ băng vải, ống nghe.	Bộ	6	170.000	1.020.000	1.020.000		Lớp Lá 1, 2, 4
120	MN562095	Bộ trang phục bác sỹ	Mô phỏng theo thực tế, kích thước phù hợp với lứa tuổi.	Bộ	1	160.000	160.000	160.000		Lớp Lá 1
121	MN562096	Gạch xây dựng	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác màu đỏ, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, gồm các viên kích thước tối thiểu (140x70x35)mm và các viên kích thước (70x70x35)mm. Kèm bộ dụng cụ gồm: thước, bay, dao xây, quả dọi có kích thước tương ứng với kích thước gạch.	Thùng	4	462.000	1.848.000	1.848.000		Lớp Lá 1, 3
122	MN562097	Bộ xếp hình xây dựng	Vật liệu bằng gỗ sơn màu, bề mặt phẳng, không sắc cạnh, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn. Gồm 44 chi tiết: khối trụ, khối tam giác, khối hình vuông, khối chữ nhật, khối chữ nhật khuyết cầu, khối bán nguyệt khuyết cầu, khối nửa trụ. Kích thước tối thiểu của khối hình chuẩn (35x35x35)mm. Các khối hình khác có kích thước tương ứng.	Bộ	2	194.000	388.000	388.000		Lớp Lá 1
123	MN562099	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Gồm các loại thông dụng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kích thước tối thiểu (35x35x35)mm.	Cái	6	30.000	180.000	180.000		Lớp Lá 1, 3
124	MN562100	Đất nặn	Gồm 6 màu cơ bản, có trọng lượng khoảng 200gr/hộp, vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, không độc hại, ổn định nhiệt độ, không dính tay.	Hộp	20	14.000	280.000	280.000		Lớp Lá 1, 3

TT	Mã số	Trường/ Tên thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Nguồn kinh phí thực hiện		GHI CHÚ
								Kinh phí không thường xuyên	Nguồn tài chính của đơn vị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)	(9)	(10)	(11)
VIII MẦM NON KHU CHÈ XUẤT TÂN THUẬN							64.800.000	64.800.000		
A NHÓM 12-24 THÁNG TUỔI							7.000.000	7.000.000		
1	MN121003	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	Tủ để cặp trẻ Mầm non: 4 ngăn dài 140 cm; 2 ngăn đứng cao 90 cm, có bánh xe đẩy. Mỗi ngăn: ngang 35 cm, sâu 35 cm, cao 45cm (cao để cặp: 35 cm, cao để dép: 10 cm), gỗ cao su (8 ngăn x 2 trẻ)	Cái	2	3.500.000	7.000.000	7.000.000		Lớp Nhà trẻ 12-24 tháng tuổi (2 tủ x 8 ngăn x 2 trẻ)
B NHÓM 24-36 THÁNG TUỔI							14.000.000	14.000.000		
2	MN231003	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	Tủ để cặp trẻ Mầm non: 4 ngăn dài 140 cm; 2 ngăn đứng cao 90 cm, có bánh xe đẩy. Mỗi ngăn: ngang 35 cm, sâu 35 cm, cao 45cm (cao để cặp: 35 cm, cao để dép: 10 cm), gỗ cao su (8 ngăn x 2 trẻ)	Cái	4	3.500.000	14.000.000	14.000.000		Lớp Sóc nâu và lớp Thỏ ngọc
C NHÓM 3-4 TUỔI							21.800.000	21.800.000		
3	MN341018	Ti vi	Hệ màu: Đa hệ. Màn hình phù hợp với diện tích lớp học. Hệ thống FVS; có hai đường tiếng (Stereo); công suất tối thiểu đường ra 2 x 10W; Có chức năng tự điều chỉnh âm lượng; dò kênh tự động và bằng tay. Ngôn ngữ hiển thị có Tiếng Việt. Có đường tín hiệu vào dưới dạng (AV, S – Video, DVD, HDMI). Nguồn tự động 90V – 240V/50 Hz (Samsung 43 inch, độ phân giải 4K).	Cái	4	5.450.000	21.800.000	21.800.000		4 lớp (Nhóm 13-24 tháng, Mầm 2, Chồi 3 và Chồi 4)
D NHÓM 4-5 TUỔI							9.000.000	9.000.000		
4	MN451006	Tủ đựng chăn, màn, chiếu.	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có cánh và ngăn để đựng chăn, màn, gối và chiếu loại phù hợp. Kích thước: Ngang 160 x Cao 100 x Rộng 50cm	Cái	3	3.000.000	9.000.000	9.000.000		3 lớp (Mầm 1, Mầm 2, Mầm 3)
E NHÓM 5-6 TUỔI							13.000.000	13.000.000		
5	MN561005	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, đảm bảo độ bền, an toàn, đủ ô để đựng ba lô, tư trang của 35 trẻ. Kích thước tối thiểu của mỗi ô (350x300x350)mm. Tủ được sơn màu phù hợp với lớp học và thân thiện với trẻ.	Cái	2	3.500.000	7.000.000	7.000.000		2 lớp (Lá 2 và Lá 3)
6	MN561006	Tủ đựng chăn, màn, chiếu.	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, có cánh và ngăn để đựng chăn, màn, gối và chiếu loại phù hợp. Kích thước: Ngang 160 x Cao 100 x Rộng 50cm	Cái	2	3.000.000	6.000.000	6.000.000		2 lớp (Lá 3 và Lá 4)
IX MẦM NON PHÚ MỸ							27.900.000	27.900.000		
A NHÓM 5-6 TUỔI							27.900.000	27.900.000		
1	MN561013	Bàn cho trẻ	Mặt bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân bàn bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện, kích thước khoảng (900x480)mm, chiều cao khoảng 500 đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	15	500.000	7.500.000	7.500.000		Lớp lá 4
2	MN561014	Ghế cho trẻ	Mặt ghế bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân ghế bằng gỗ, nhựa hoặc thép sơn tĩnh điện. Kích thước mặt ghế khoảng (260x260), chiều cao khoảng 280mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	40	160.000	6.400.000	6.400.000		Lớp lá 3 (20 cái ghế), lá 4 (20 cái ghế)
3	MN561005	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Vật liệu bằng gỗ hoặc vật liệu khác, đảm bảo độ bền, an toàn, đủ ô để đựng ba lô, tư trang của 35 trẻ. Kích thước tối thiểu của mỗi ô (350x300x350)mm. Tủ được sơn màu phù hợp với lớp học và thân thiện với trẻ.	Cái	2	7.000.000	14.000.000	14.000.000		Lớp lá 3, lá 4, lá 5 và lá 6
TỔNG CỘNG (I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII + IX)							310.457.500	262.857.500	47.600.000	